

Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 05 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Xóm R, xã Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Xóm R, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Thanh N** và anh **Nguyễn Văn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 12/9/2011, Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 02/01/2015 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 02/02/2019. Giao 03 cháu Khánh T1, Anh T2 và Hoàng B cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/ 01 tháng/ 01 con, kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản và quyền thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ chung: Chị N và anh T đều xác nhận không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0003634 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 14 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 14 – Phú Thọ;
- Dương sự;
- UBND xã Đà Bắc;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hảo